TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 365/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2025
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Triều Tiên
2. Ông Phạm Văn Rỡ

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thuý An – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 246/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2025, giữa :

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thúy H, sinh năm: 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh V, xã Thạnh P, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Thạnh V, xã Thạnh H tỉnh An Giang).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh V, xã Thạnh P, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Thạnh V, xã Thạnh H, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Dương Thúy H trình bày: Chị và anh Phan Văn N đi đến hôn nhân là do tự tìm hiểu quen biết, cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Ngọc T, thành phố Cần Thơ) chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh N bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, sống không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn anh N. Về con chung, chị xác định chị và anh N có hai con chung tên Dương Thị Chúc L, sinh ngày 04/12/2011 và Phan Văn B, sinh ngày 24/6/2016 hiện đang sống với chị. Chị yêu

cầu được quyền nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn N không giao nộp bản khai thể hiện ý kiến hoặc có văn bản phản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H và vắng mặt qua các lần mời của Tòa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh N có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hợp pháp. Chị H xác định không thể tiếp tục chung sống với anh N nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà không thể nào hòa giải được và anh N cũng không có thiện chí để hàn gắn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Thị Chúc L, sinh ngày 04/12/2011 và Phan Văn B, sinh ngày 24/6/2016. Xét thấy, con sống với chị H nên căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị xử giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Dương Thuý H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Phan Văn N nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn nuôi, con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã Thạnh H, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang).

Chị Dương Thuý H với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Anh N với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa trực tiếp cho anh N nhưng không thực hiện được do anh không có mặt tại nhà vì đi làm ở xa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật và thông qua số điện thoại cá nhân của anh N chị H đã truyền tải thông tin vụ kiện cũng như yêu cầu của chị cho anh N biết, để anh có ý kiến phản hồi nhưng anh N không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa

án nhân dân khu vực 5 – An Giang căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H và anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định chị và anh N tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc T, thành phố Cần Thơ chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn đã được chị H xác định sống không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm chăm sóc giữa vợ và chồng dẫn đến mục đích để xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không dạt được, bản thân anh N cũng không có thiện chí để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh vắng mặt qua các lần mời của Tòa, hiện tại chị H xác định chị đã không còn chung sống với anh N, nên mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định chị và anh N có hai người con chung tên Dương Thị Chúc Ly, sinh ngày 04/12/2011 và Phan Văn Bảo, sinh ngày 24/6/2016 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Đối với ý kiến trên của chị H đã được Tòa án thông báo cho anh N biết để có ý kiến đối với yêu cầu của chị H nhưng anh N không có ý kiến phản đối gì về con chung. Mặc khác, tại giấy khai sinh của cháu Ly, cháu Bảo thể hiện chị H, anh N là cha mẹ và tại bản tự khai cháu Ly và cháu Bảo có nguyện vọng muốn được sống với chị H nên căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xử giao cháu Dương Thị Chúc L, sinh ngày 04/12/2011 và Phan Văn B, sinh ngày 24/6/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013294 ngày 14/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Chị H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thuý H được ly hôn với anh Phan Văn N

2. Về con chung: Xử giao 02 con chung tên Dương Thị Chúc L, sinh ngày 04/12/2011 và Phan Văn B, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Dương Thuý H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phan Văn N không cấp dưỡng nuôi con do chị Trân không yêu cầu. Anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Dương Thuý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013294 ngày 14/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Chị H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống dạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND KV 5 – AG;
- Phòng THADS KV 5 – AG;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Chúc;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Cẩm Hương